

Bản án số: 14/2025/HS-PT.
Ngày: 06/02/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu;
Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 06/02/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 141/2024/TLPT-HS ngày 07/11/2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn N do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn N; Sinh ngày: 01/01/1966; Nơi sinh: Thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là bà Trần Thị Y, sinh năm 1967 và có 03 người con, người con lớn nhất sinh năm 1984, người con nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/7/2024 cho đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N: Ông Nguyễn Thanh D - luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh S; Địa chỉ Văn phòng: Số A, ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Nguyên đơn dân sự: Nguyễn Văn Q; Sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Ánh N2, Trần Thị Y, Nguyễn Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2001, vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Y chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Ánh N2 03 công đất ruộng (tầm cây), các phần đất này thuộc một phần thửa đất số 434 và một phần thửa đất số 826, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, hai bên có lập hợp đồng bằng văn bản nhưng không có công chứng, chứng thực. Đến đầu năm 2016, bị cáo N đến gặp vợ chồng ông Q để thỏa thuận mua lại phần đất trên theo giá thị trường, nhưng vợ chồng ông Q không đồng ý nên bị cáo N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm yêu cầu cho vợ chồng bị cáo N chuộc lại phần đất trên theo giá thị trường. Tại Bản án dân sự số 28/2017/DS-ST ngày 07/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tuyên công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo N, bà Y với ông Q, bà N2. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2018/DS-PT ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng ra bản án dân sự phúc thẩm số 45/2018/DS-PT, tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo N, bà Y với ông Q, bà N2 là vô hiệu, buộc ông Q giao trả cho bị cáo N phần đất có diện tích 2.054,8m² thuộc một phần thửa đất số 434 và phần đất có diện tích 2.314,9m² thuộc một phần thửa đất số 826, tọa lạc tại Khóm V, Phường C, thị xã N, Sóc Trăng và buộc bị cáo N, bà Y giao trả cho ông Q, bà N2 số tiền 180.000.000 đồng, sau khi bản án có hiệu lực thì bị cáo N nộp số tiền 180.000.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N đã tổ chức thi hành bản án phúc thẩm xong vào ngày 17/5/2018.

Tại Quyết định số 77/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 20/6/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 272/2019/DS-GĐT ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 45/2018/DS-PT ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 07/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tuyên công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo N, bà Y với ông Q, bà N2, buộc bị cáo N, bà Y giao lại cho ông Q, bà N2 phần đất có diện tích 2.054,8m² thuộc một phần thửa đất số 434 và phần đất có diện tích 2.314,9m² thuộc một phần thửa đất số 826, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Khóm V, Phường C, thị xã N, đồng thời ông Q giao lại cho bị cáo số tiền 180.000.000 đồng. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 57/2021/DS-PT ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Sau đó, ông Q đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N nộp số tiền là 180.000.000 đồng và yêu cầu thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 671 ngày 02/7/2021, nhưng bị cáo N không tự nguyện thi hành án, nên Chi cục

Thị hành án dân sự thị xã Ngã Năm ra Quyết định số 03 ngày 10/11/2021 về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất đối với bị cáo N và các thông báo về việc cưỡng chế, đồng thời Chi cục Thị hành án dân sự thị xã Ngã Năm đến nhà bị cáo N giao các quyết định và các thông báo về việc cưỡng chế cho bị cáo N được biết, nhưng bị cáo không nhận nên Chi cục Thị hành án dân sự thị xã N tiến hành lập biên bản về việc bị cáo N không nhận các quyết định và các thông báo về việc cưỡng chế. Đến ngày 25/11/2021, Chi cục Thị hành án dân sự thị xã N tiến hành cưỡng chế và cấm 05 trụ đá làm ranh đất đối với phần đất có diện tích 2.054,8m² thuộc một phần thửa đất số 434 và phần đất có diện tích 2.314,9m² thuộc một phần thửa đất số 826 bàn giao cho ông Nguyễn Văn Q. Khoảng 02 tiếng sau khi lực lượng chức năng tiến hành cưỡng chế xong, bị cáo N kêu con trai là Nguyễn Văn T1 cùng bị cáo N tiến hành nhổ 05 trụ đá do Chi cục Thị hành án dân sự thị xã N cấm và bị cáo cấm lại 05 trụ đá cũ của bị cáo. Sau khi cấm lại các trụ đá cũ xong, bị cáo chở 05 trụ đá của Chi cục Thị hành án dân sự thị xã N để bên phần đất vườn cặp bên nhà của bị cáo. Đồng thời, bị cáo N không giao đất cho ông Q mà chiếm, quản lý, canh tác, sử dụng đối với phần đất nói trên cho đến khi bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 380; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Không chấp hành án”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Văn Q với tổng số tiền là 45.000.000 đồng.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 09/10/2024, bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được nộp phạt miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc cho bị cáo được hưởng án treo và xem xét lại mức bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn N bổ sung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được nộp phạt miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, xin giảm hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo và xem xét lại mức bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Không chấp hành án” theo quy định tại khoản 1 Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo N các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định pháp luật. Xét Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N mức án 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo N nộp số tiền 25.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự (theo Biên lai thu tiền số 0001549 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng), đây là tình tiết mới, nên cần phải áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Xét hành vi phạm tội của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động tư pháp, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương và tình hình tội phạm về không chấp hành án trên địa bàn diễn biến khá phức tạp nên cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo trong thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc cho bị cáo hưởng án treo. Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bị cáo N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Văn Q tổng số tiền là 45.000.000 đồng có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điều c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo N, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo N với mức giảm là 03 tháng tù, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N đối với phần trách nhiệm dân sự.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N trình bày: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Không chấp hành án” theo quy định tại khoản 1 Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo đã ăn năn hối cải, tự nguyện giao trả đất lại cho nguyên đơn dân sự và bị cáo cũng đã nộp tiền bồi thường cho nguyên đơn dân sự với số tiền là 25.000.000 đồng, hiện nay bị cáo mắc nhiều chứng bệnh, bị cáo đã lớn tuổi, bị cáo không làm hư hỏng các trụ đá của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng là đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội

đồng xét xử phúc thẩm xem xét công sức đóng góp của người canh tác đất, giảm nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo theo mức là 4.000.000 đồng/công/năm.

- Nói lời sau cùng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 09/10/2024 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N bổ sung nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt. Căn cứ vào các điều 342 và 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N như sau: Vào năm 2001, vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Y chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Ánh N2 03 công đất ruộng (tầm cấy), các phần đất này thuộc một phần thửa 434 và một phần thửa 826, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, hai bên có hợp đồng bằng văn bản nhưng không có công chứng, chứng thực. Đến đầu năm 2016, bị cáo N gặp vợ chồng ông Q thỏa thuận mua lại phần đất trên theo giá thị trường, nhưng vợ chồng ông Q không đồng ý nên bị cáo N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm yêu cầu cho vợ chồng bị cáo N chuộc lại phần đất trên theo giá thị trường. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tuyên công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo N, bà Y với ông Q, bà N2, buộc bị cáo N, bà Y giao lại cho ông Q, bà N2 phần đất có diện tích 2.054,8m² thuộc một phần thửa đất số 434 và phần đất có diện tích 2.314,9m² thuộc một phần thửa đất số 826, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Khóm V, Phường C, thị xã N, đồng thời buộc ông Q giao lại cho bị cáo số tiền 180.000.000 đồng. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 57/2021/DS-PT ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân tỉnh Sóc Trăng quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Sau đó, ông Q đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N nộp số tiền là 180.000.000 đồng và yêu cầu thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 671 ngày 02/7/2021, nhưng bị cáo N không tự nguyện thi hành án, nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N ra Quyết định số 03 ngày 10/11/2021 về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất đối với bị cáo N và các thông báo về việc cưỡng chế. Đến ngày 25/11/2021, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N tiến hành cưỡng chế và cắm 05 trụ đá làm ranh đất đối với phần đất có diện tích 2.054,8m² thuộc một phần thửa đất số 434 và phần đất có diện tích 2.314,9m² thuộc một phần thửa đất số 826 bàn giao cho ông Nguyễn Văn Q.

Khoảng 02 tiếng sau khi lực lượng chức năng tiến hành cưỡng chế xong, bị cáo N kêu con trai là Nguyễn Văn T1 cùng bị cáo N tiến hành nhổ 05 trụ đá do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N cấm và bị cáo cấm lại 05 trụ đá cũ của bị cáo. Đồng thời, bị cáo N không giao đất cho ông Q mà chiếm, quản lý, canh tác, sử dụng đối với phần đất nói trên cho đến khi bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Xét bị cáo Nguyễn Văn N đã thực hiện hành vi không chấp hành bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật dù đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Không chấp hành án” theo quy định tại khoản 1 Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N, về việc xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, xin giảm hình phạt hoặc xin được hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xác định bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình có công với cách mạng và áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo N mức án 09 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N. Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo N nộp số tiền 25.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự Nguyễn Văn Q nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm đối với bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giảm một phần hình phạt cho bị cáo N. Đối với việc bị cáo nộp thêm tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo đang bị bệnh về cột sống và đĩa đệm, đây không phải là bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh nặng nên không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét mặc dù bị cáo N bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện có thể xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, xét trong vụ án này, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động tư pháp, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương và tình hình tội phạm không chấp hành án trên địa bàn diễn ra khá phức tạp nên cần phải xử lý nghiêm người phạm tội mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N, về việc xem xét lại mức bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Văn Q: Hội đồng xét xử phúc thẩm xử buộc bị cáo N bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự ông Q tổng số tiền là 45.000.000 đồng, với mức thiệt hại bình quân là 5.000.000 đồng/01 công đất tằm cấy là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ xác minh về thực tế thu nhập từ canh tác trồng lúa tại địa phương và phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, về việc xem xét lại mức bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho bị cáo N, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo N. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo N của bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo N.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm e, điểm h khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bị cáo N được chấp nhận một phần kháng cáo phần quyết định về hình sự và không được chấp nhận kháng cáo phần quyết định về phần dân sự của bản án sơ thẩm nên bị cáo N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

[7] Giao Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án đối với số tiền bị cáo Nguyễn Văn N đã nộp là 25.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001549 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N đối với phần quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N đối với phần quyết định về dân sự của bản án sơ thẩm.

Sửa quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N của Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 380; Các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng tù về tội “Không chấp hành án”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ vào: Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586, 589, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Văn Q tổng số tiền là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

- Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án đối với số tiền bị cáo Nguyễn Văn N đã nộp là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001549 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về án phí phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm e, điểm h khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn N chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

5. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1-TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thị xã N (02);
- VKSND thị xã N (01);
- CQĐT-Công an thị xã N (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã N (01);
- Chi cục THADS thị xã N (01);
- Bị cáo (01);
- Người bào chữa (01);
- Nguyên đơn dân sự (01);
- P.KTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ